TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2025/DS-ST
Ngày: 07 – 3 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Văn Công Trọn

2. Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 887/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng mua bán, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê A, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp H.Th, xã V.B.N, huyện V.T, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Ngọc H, sinh năm: 1971 (Văn bản ủy quyền ngày 17/9/2024), (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B.M I, xã T.H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn X, sinh năm: 1968 (vắng mặt).

Bà Đỗ Thị U (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp R.B, xã P.L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 16/9/2024, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2013 đến năm 2014, ông Lê A có bán vật tư nuôi trồng thủy sản, thức ăn tôm cho vợ, chồng ông Nguyễn Văn X và bà Đỗ Thị U theo số lượng,

chủng loại đặt hàng của ông X và bà U. Ngày 23/5/2014, hai bên gặp nhau kết toán công nợ thì ông X và bà U còn nợ ông A tổng số tiền 205.000.000đ, ông X có ký biên nhận nợ cho ông A, được Công A viên ấp Lung Dòng (nay là ấp Rạch Bần xác nhận). Sau nhiều lần ông A liên hệ ông X và bà U yêu cầu thanh toán nợ nhưng ông X và bà U cam kết, hứa hẹn nhiều lần mà không thực hiện.

Từ nội dung trên, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn X và bà Đỗ Thị U phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê A tổng số tiền 205.000.000đ.

* Đối với ông Nguyễn Văn X và bà Đỗ Thị U vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Đối với ông Nguyễn Văn X và bà Đỗ Thị U mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên họp hòa giải cũng như tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông X và bà U vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông X và bà U theo luật định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo luật định. Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án được thực hiện đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên và bị đơn đặt ra được xác định là hợp đồng mua bán hàng hoá. Hàng hoá các bên mua bán là vật tư nuôi trồng thủy sản và thức ăn tôm. Quá trình mua bán, sau khi quyết toán công nợ thể hiện tại biên nhận nợ ngày 23/5/2014, ông Nguyễn Văn X ký nhận nợ ông Lê A tổng số tiền 205.000.000đ.

[3] Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn tuy không ký hợp đồng mua bán hàng hóa bằng văn bản nhưng trên thực tế có giao kết hợp đồng bằng lời nói, không xác định thời hạn, đến nay hợp đồng đã chấm dứt mà các bên không giao kết lại hợp đồng mới hoặc ký phụ lục hợp đồng, bên cạnh đó bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên chấp nhận làm cơ sở thanh lý hợp đồng.

[4] Song, vấn đề đặt ra là nghĩa vụ phải thanh toán nợ, thời gian và phương thức thanh toán nợ như thế nào. Hội đồng xét xử xét thấy: Về khoản nợ giữa các bên đã có biên nhận quyết toán công nợ ngày 23/5/2014 thể hiện số tiền ông X và bà U nợ là 221.400.000đ, sau khi đối trừ số hàng hóa ông X trả lại thì ông X còn nợ ông A số tiền 205.000.000đ, điều này được ông X ký nhận và được Công an viên ấp Lung Dòng (nay là ấp Rạch Bần xác nhận). Do đó, buộc ông Nguyễn Văn X và bà Đỗ Thị U có nghĩa vụ phải thanh toán cho ông Lê A tổng số tiền 205.000.000đ là có căn cứ.

[5] Đối với lãi suất, ông A không đặt ra yêu cầu ông X và bà U phải trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về thời gian và phương thức thanh toán nợ thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của cơ quan thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án nên không đề cập giải quyết trong vụ án này là phù hợp.

[7] Về nghĩa vụ chứng minh: Việc ông Nguyễn Văn X và bà Đỗ Thị U không có ý kiến phản hồi và không tham gia phiên toà để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên ông X và bà U phải tự gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

[8] Về án phí: Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Do đó buộc bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Ông A không phải chịu án phí, đã nộp tạm ứng án phí nên được trả lại theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 288, 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê A – buộc ông Nguyễn Văn X và bà Đỗ Thị U có nghĩa vụ trả cho ông A tổng số tiền 205.000.000đ *(Hai trăm lẻ năm triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Văn X và bà Đỗ Thị U phải chịu 10.250.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông Lê A không phải chịu án phí, ngày 16/10/2024, ông A đã nộp tạm ứng án phí 5.125.000đ theo biên lai số: 5722 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Về quyền kháng cáo: Ông Lê A, ông Nguyễn Văn X và bà Đỗ Thị U được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Hứa Minh Hải

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.